



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Trà, ngày 20 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO **QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023**

Thực hiện Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã khóa XX kỳ họp thứ 5 về việc phê chuẩn phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2023,

Năm 2023 do tình hình dịch bệnh kéo dài làm phát gia tăng làm ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống nhân dân nền kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn, việc sản xuất của nhân dân gặp nhiều trở ngại, thời tiết diễn biến phức tạp nắng nóng kéo dài. Giá cả thị trường không ổn định làm ảnh hưởng lớn đến nền sản xuất và đời sống của nhân dân.

Mặt khác nhà nước thay đổi cơ chế một số khoản thu, nên công tác thu ngân sách gặp nhiều khó khăn hơn. Nguồn thu ngân sách giảm, nhiệm vụ chi lại có nhiều phát sinh do chi cho chống dịch bệnh v.v... Nguồn thu chủ yếu dựa vào trợ cấp ngân sách cấp trên nên chưa đáp ứng được kịp thời công tác hoạt động thường xuyên của các tổ chức, mà phần lớn đủ để giải quyết tiền lương và các khoản phụ cấp. Do vậy làm ảnh hưởng đến hoạt động của bộ máy. Mặt khác trên địa bàn xã nhân dân không có ngành nghề việc làm ổn định mà chủ yếu là sản xuất nông nghiệp nên công tác thu ngân sách càng gặp nhiều khó khăn hơn. Nhưng được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy Đảng, Chính quyền công tác thu chi ngân sách trên địa bàn xã đã đạt được kết quả như sau.

1. Về thu ngân sách.

Tổng thu ngân sách năm 2023 thực hiện **9.523.789.657 đồng**, bằng **171,5 %** so với kế hoạch đầu năm.

Trong đó:

- Thu NS xã hưởng : 260.506.560 đồng, đạt 110% kế hoạch.
- Thu chuyên nguồn: 2.758.280.597 đồng.
- Thu trợ cấp ngân sách cấp trên: 4.466.555.500 đồng. đạt 97%
- Thu trợ cấp có mục tiêu: 2.038.447.000 đồng

(Chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo)

Trong năm UBND xã, ban Tài chính xã đã tăng cường, dùng nhiều biện pháp để thu ngân sách, giám sát, phối hợp với các ban ngành cấp xã, thôn, chi cục thuế để thu nhưng tỷ lệ thu ngân sách năm 2023 trên địa bàn chưa đạt theo kế hoạch.

Năm 2023 thu ngân sách thực hiện được **9.523.789.657 đồng** đạt 171,5% so với kế hoạch là do tăng thu từ nguồn thu trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, KP xây dựng NTM, KP cấp bù thủy lợi phí.v.v....

2. Về chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách năm 2023 thực hiện: **9.486.874.219 đồng** đạt 87,56% kế hoạch.
Trong đó:

- Chi đầu tư XDCB: 3.557.914.000 đồng

Gồm có các công trình sau:

- +) Chi XD công trình: Đường giao thông thôn 2 thôn 3 Sơn Trà: 634.923.000 đồng
 - Trong đó: - Tiền KSTK: 44.588.000 đồng
 - Tiền Xây lắp: 414.300.000 đồng
 - Tiền Giám sát: 20.165.000 đồng
 - Ghi thu, ghi chi xi măng: 155.870.000 đ
- +) Chi trả nợ CT Đường giao thông từ QL 8A đến Cầu Bùng thôn 2: 2.750.972.000 đồng
- +) Chi trả nợ CT Nâng cấp, san lấp mặt bằng khuôn viên trụ sở: 59.000.000 đồng
- +) Chi trả nợ CT Nhà hành chính tổng hợp 2 tầng và các hạng mục phụ trợ trường TH: 70.000.000 đồng
- +) Chi giải phóng mặt bằng (QĐ 4120 của UBND huyện) (Bà Quế): 43.019.000 đồng
 - Chi thường xuyên : 5.928.960.219 đồng
 - Kết dư ngân sách: 36.915.438 đồng

(Chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo)

- Về chi ngân sách: Ủy ban nhân dân xã căn cứ theo dự toán phân bổ đầu năm, điều hành sát với tình hình thực tế để đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chi trong năm đã phát sinh các khoản chi đột xuất từ nguồn trợ cấp mục tiêu như: Chi hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh tự hoại cho hộ nghèo, MTP, Sản phẩm OCOP; KP thủy lợi v.v... cho nên đã vượt dự toán chi đầu năm. Do đó công tác điều hành chi gặp rất nhiều khó khăn, tuy vậy, Ủy ban nhân dân xã đã cố gắng tranh thủ nguồn hỗ trợ của cấp trên và các nguồn thu khác để điều hành cho phù hợp và đáp ứng thu chi đúng theo dự toán đầu năm được HĐND xã phê duyệt, nên nhìn chung chi ngân sách trong năm 2023 đã đáp ứng được nhiệm vụ chi đảm bảo ổn định chính trị để phát triển kinh tế - xã hội trên toàn xã.

Công tác quản lý điều hành các khoản thu chi ngân sách đảm bảo đúng chế độ theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và được thực hiện qua sự giám sát, quản lý chặt chẽ của Kho bạc nhà nước./.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Nơi nhận :

- TTHĐND huyện.
- TTHĐND xã.
- Đại biểu HĐND xã.
- Lưu VP.



Tổng thu: 9.523.789.657 đồng
Tổng chi: 9.486.874.219 đồng

TT	A/ Phần thu	Dự toán thực hiện	Thực hiện (Đồng)	Ghi chú
	Tổng thu	5.555.879.000	9.523.789.657	
I	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	78.000.000	2.844.486.305	
1	Thu phí - Lệ phí	5.000.000	21.111.040	
2	Thu hoa lợi + thu khác NS	48.000.000	65.092.166	
3	Thu khác	25.000.000	2.502	
4	Thu chuyển nguồn		2.758.280.597	
II	Các khoản thu NS xã hưởng theo tỷ lệ %	892.784.000	174.300.852	
1	Thu thuế tài nguyên	35.000.000	14.352.333	
2	Lệ phí trước bạ	8.000.000	21.522.416	
3	Cấp quyền SDD	810.000.000	112.972.838	
4	Thu thuế Giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp	39.000.000	24.961.043	
5	Thu thuê mặt nước ao hồ	784.000	492.222	
III	Thu trợ cấp Ngân sách cấp trên	4.585.095.000	6.505.002.500	
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	4.585.095.000	4.466.555.500	
	Thu Trợ cấp có mục tiêu		2.038.447.000	
	B/ Phần chi			
TT	Tổng chi:	5.288.619.000	9.486.874.219	
I	Chi đầu tư	810.000.000	3.557.914.000	
II	Chi thường xuyên	4.478.619.000	5.928.960.219	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	299.000.000	326.322.000	
	Chi sự nghiệp giao thông	63.000.000	39.100.000	
	SN chăn nuôi và SN khác	36.000.000	25.650.000	
	Chi hỗ trợ xây dựng NTM	200.000.000	89.612.000	
	Chi sự nghiệp thủy lợi (TLP)		171.960.000	
2	Chi sự nghiệp Văn hoá	56.500.000	54.246.000	
	Chi SN Văn hóa	13.500.000	12.860.000	
	KP khu dân cư	25.000.000	25.000.000	
	Chi sửa chữa nâng cấp truyền thanh	18.000.000	16.386.000	
3	Chi SN giáo dục	10.000.000	8.300.000	
	Hỗ trợ khai giảng, tặng quà ngày 20/11	10.000.000	8.300.000	
4	Chi SN Y tế DSKHHGD	29.320.000	29.320.000	
	PC y tế thôn + Hoạt động dân số	29.320.000	29.320.000	
5	Chi sự nghiệp Thể dục - thể thao	31.500.000	28.650.000	
6	Chi sự nghiệp môi trường	72.000.000	62.698.000	
7	Chi QLNN	1.892.594.800	2.551.995.289	
-	Lương QLNN, BHXH, YT, KPCĐ, các khoản PC	1.083.020.800	1.732.753.710	

	Phụ cấp trưởng thôn	125.160.000	143.580.000
	Phụ cấp các nhóm nhiệm vụ ở thôn	150.000.000	185.600.000
	PC hợp đồng	48.000.000	48.000.000
	PC truyền thanh	9.834.000	9.834.000
	Chi công tác phí	30.000.000	22.500.000
-	Chi đào tạo, tập huấn	18.000.000	9.860.000
	KP sửa chữa bảo trì đường điện	13.500.000	21.472.000
	Quỹ khen thưởng (Lao động tiên tiến)	13.500.000	12.960.000
	Chi PC Ban Giám đốc TT học tập CD	17.880.000	17.880.000
	Mua sách, tài liệu chuyên môn	4.500.000	2.229.000
	Chi hỗ trợ công đoàn hoạt động	7.200.000	28.756.000
	Chi tiền báo + tiền điện thoại, internet	30.000.000	25.747.996
	Chi Văn phòng phẩm, dụng cụ VP	58.500.000	60.660.000
	fôtô tài liệu chuyên môn	40.500.000	38.680.000
	Chi hội nghị	22.500.000	18.650.000
	Chi tuyên truyền pháp luật	7.200.000	7.500.000
	Chi công tác hòa giải	1.800.000	2.000.000
	Chi mua sắm sửa chữa tài sản	45.000.000	35.290.000
	Chi chè nước, tiền điện công sở	40.500.000	23.049.583
	Chi tiếp khách	22.500.000	15.240.000
	Mua sắm, sửa chữa thiết bị tin học	45.000.000	47.103.000
	Chi khác QLNN	58.500.000	42.650.000
8	Hội đồng nhân dân	242.616.000	258.153.970
	Lương, PC và BH, KPCĐ cho CB HĐND	73.308.000	85.454.970
	PC Đại biểu HĐND	101.916.000	112.518.000
	Phụ cấp các chức danh HĐND theo NQ82	16.092.000	17.766.000
	Hoạt động HĐND,	51.300.000	42.415.000
9	Đảng Cộng sản Việt Nam	470.575.200	536.515.600
	Lương, PC, BH, KPCĐ CB Đảng ủy, PC KCT đảng	179.515.200	135.387.600
	PC bí thư chi bộ kiêm trưởng ban CTMT	144.828.000	218.214.000
	Phụ cấp cấp ủy	59.004.000	61.902.000
	PC ủy ban kiểm tra Đảng	10.728.000	39.936.000
	Chi hoạt động	76.500.000	81.076.000
10	Chi sự nghiệp Quốc phòng	339.949.000	423.149.500
	Lương cấp trưởng, phó +BHXH,YT,KPCĐ+ DQTV	195.949.000	200.949.000
	Hoạt động + Huấn luyện	144.000.000	222.200.500
11	Chi sự nghiệp an ninh	62.700.000	61.980.000
	Chi hoạt động + Chi phí Làm CCCD	18.000.000	22.500.000
	Chi PC công an viên	44.700.000	39.480.000
12	Chi hoạt động MTTQ	131.441.000	156.021.500
	Lương, PC, BH, KPCĐ cho CB, KCT MTTQ	90.741.000	113.021.500
	Hoạt động cho Ban thanh tra	4.500.000	5.000.000
	Hoạt động ban giám sát cộng đồng	9.000.000	10.000.000
	Hoạt động MTTQ, cuộc vận động toàn dân XD NTM	27.200.000	28.000.000
13	Chi hoạt động Đoàn thanh niên	97.270.000	115.874.000

	Chi lương cấp trưởng+ cấp phó+ BHXH,BHYT	90.070.000	108.174.000
	Chi hoạt động	7.200.000	7.700.000
14	Chi hoạt động hội phụ nữ	100.636.000	90.015.360
	Chi lương cấp trưởng+ cấp phó+ BHXH,BHYT, KPCĐ	87.136.000	74.815.360
	Chi hoạt động	7.200.000	8.200.000
	Chi sự nghiệp "Vì sự tiến bộ của PN"	6.300.000	7.000.000
15	Chi hoạt động hội Nông dân	121.517.000	140.387.500
	Chi lương cấp trưởng+ cấp phó+ BHXH,BHYT	94.317.000	111.787.500
	Chi hoạt động	7.200.000	8.600.000
	KP đại hội Hội nông dân	20.000.000	20.000.000
16	Chi hoạt động hội CCB	80.074.000	106.063.500
	Chi lương cấp trưởng + cấp phó+ BHXH,BHYT	72.874.000	98.863.500
	Chi hoạt động	7.200.000	7.200.000
17	Chi hỗ trợ hoạt động các tổ chức khác	13.950.000	26.050.000
	Hội Người cao tuổi	2.700.000	4.700.000
	Hội chất độc da cam	1.350.000	1.350.000
	Hội chữ thập đỏ	1.350.000	1.350.000
	Hội khuyến học	4.500.000	14.600.000
	Hội Thanh niên xung phong	1.350.000	1.350.000
	Hội chiến sỹ Trường Sơn	1.350.000	1.350.000
	Hội giáo chức	1.350.000	1.350.000
18	Chi công tác Xã hội	296.799.000	263.800.000
	Trợ cấp Hưu xã	195.000.000	175.000.000
	BHYT CB Hưu xã, thẻ CCB, TNXP	52.299.000	48.500.000
	Thăm viếng, mừng thọ,	49.500.000	40.300.000
20	Chi khác NS	130.177.000	689.418.000
1	Hỗ trợ may áo dài cho chi em phụ nữ cơ quan		7.930.000
2	Mua cây bóng mát trồng trên trục đường		3.900.000
3	Mua bàn ghế salon tiếp khách		13.200.000
4	Chi làm băng rôn khẩu hiệu		15.650.000
5	KP hỗ trợ HD công đoàn học tập kinh nghiệm (Can lộc, hồ kê gỗ)		19.800.000
6	KP Sửa chữa phòng một cửa Công an		61.190.000
8	KP hỗ trợ xây nhà vệ sinh (Theo NQ 123/UBND huyện)		28.000.000
9	Gia hạn phần mềm KT		10.200.000
10	KP hỗ trợ tiền nước tích tụ ruộng đất		1.500.000
11	Lắp đặt điều hòa phòng công an		7.600.000
12	KP thuê xe đưa đón tham quan tích tụ ruộng đất tại Vượng lộc		1.800.000
13	Hỗ trợ đoàn viên đi khám sức khỏe		5.700.000
14	Chi hỗ trợ nông nghiệp		4.655.000
15	KP xây mương thôn 2 (Trá nợ năm 2022)		42.428.000
17	KP tu sửa quạt các phòng UB		2.118.000
18	KP mua biên lai thu tiền		432.000
19	KP sửa chữa dây truyền thanh		3.000.000
20	KP Làm thùng đựng lon bia cho PN và hồ thu gom rác thuốc BVTV		5.500.000

21	KP Sửa chữa nhà vệ sinh thành phòng làm việc	27.560.000
22	Chi trả tiền mai táng phí	44.700.000
23	Chi mua tủ đựng tài liệu phòng địa chính	5.500.000
24	KP thuê xe vận chuyển hàng bảo trợ từ huyện về	3.600.000
25	KP gia hạn chữ ký số	3.190.000
26	KP Hỗ trợ sản phẩm OCOP (Hàng) (Theo NQ 123/UBND huyện)	50.000.000
27	KP Hỗ trợ ngày hội toàn dân bảo vệ ANTK	4.350.000
28	KP hỗ trợ hộ nghèo làm nhà vệ sinh tự hoại	44.000.000
29	KP Nâng cấp phần mềm TSCĐ	3.000.000
30	KP thống kê đất đai	4.327.000
31	KP làm biển bảng tuyên truyền NTM	21.000.000
32	KP sửa chữa nhà đốt rác thải trạm y tế và ốp sửa phòng học MN	20.000.000
33	KP Sửa chữa đèn cá	13.024.000
34	Phụ cấp thôn đội trưởng thôn đội phó dân phòng	26.000.000
36	Hội nghị tổng kết an ninh - quốc phòng	11.380.000
37	Chi lắp đặt sửa chữa Camera an ninh	16.250.000
38	KP thuê rạp ngày hội chuyển đổi số	11.170.000
39	KP làm maket ngày hội chuyển đổi số	5.550.000
40	KP sửa chữa phòng học trường mầm non	12.986.000
41	KP chính sách NN nông thôn hỗ trợ xúc tiến thương mại (Hàng)	7.228.000
42	KP chính sách NN nông thôn mỗi xã một sản phẩm (Hàng)	120.000.000
IV	Kết dư ngân sách	36.915.438

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ